

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TRUNG TÂM ĐÀM BẢO CHẤT LƯỢNG

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học Kỳ 3 - Năm Học 2016 – 2017
(Từ 28/7/2017 đến 06/8/2017)

Cơ sở Việt Trì
(Toán - Tin, KHXH&NV, KHTN, Kỹ thuật – CN, Ngoại ngữ, Kinh tế - QTKD, Nông – Lâm – Ngư, Tâm lý giáo dục, Lý luận chính trị).

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
1.	QT2302	Marketing căn bản ("")	1	1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017) 1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D11A (K12 DH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng) 1513D28N (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2)) 1614D28N (K14 DH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2)) 1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017) 1109D28B (K9 DHSP Tiếng Anh B (ĐC) - 2011 - 2015) 1513D28A (K13 DHSP Tiếng Anh) 1311C04A (K11 CBSP Tiếng Anh A - 2013 - 2016) 1412C04A (K12 CBSP Tiếng Anh - 2014 - 2017) 1311D18A (K11 DH Ngôn ngữ Trung Quốc A - 2013 - 2017)	1 1 2 6 1 1 9 1 1 1 1 1 1 1 5 1	28/7/2017	09g00	HĐH405	KT&QTKD
2.	TA2271	Công nghệ dạy và học ngoại ngữ (")	1		11				
3.	TA2351	Lý luận dạy học (")	1		2				
4.	TA2309	Ngữ pháp (")	1		1	28/7/2017	09g00	N432	NGOẠI NGỮ
5.	TA2217	Từ vựng học (")	1		5				
6.	TQ2428	Biên dịch 1 (")	1		1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
7.	TA2205	Nghe 2 (Inter) (")	1	1210C04A (K10 CDSP Tiếng Anh A - 2012 - 2015)	1	28/7/2017	09g00	N441	NGOẠI NGỮ
				1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)	3				
				1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1				
				1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	5				
				1513C04A (K13 CD Sư phạm Tiếng Anh)	1				
				1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh)	1				
				1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh)	3				
				1614D04A (K14 DH Ngôn ngữ Anh)	2				
				1614D28A (K14 DH Sư phạm Tiếng Anh)	6				
				1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1				
				1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1				
				1412D18A (K12 DH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018)	1				
8.	DL1220	Địa lý kinh tế Việt Nam (")	1	1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2	28/7/2017	13g00	N431	KH&H&NV
				1513D18A (K13 DH Ngôn ngữ Trung Quốc)	10				
				1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh)	1				
				1614D04A (K14 DH Ngôn ngữ Anh)	2				
				1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018)	12				
				1614D06A (K14 DH Sư phạm Địa lý)	2				
9.	DL2476	Địa lý tự nhiên đại cương 1 (")	1	1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018)	7	28/7/2017	13g00	N432	TOÁN-TIN
				1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học)	1				
				1614D01A (K14 DH Sư phạm Toán học)	4				
10.	TN2375	Đại số cao cấp 1 (")	1	1412D41A (K12 DH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018)	2	28/7/2017	13g00	N433	TOÁN-TIN
				1513D41A (K13 DH Công nghệ KT Điện, điện tử)	3				
				1614D41A (K14 DH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	7				
				1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018)	1				
11.	TN1202	Đại số tuyến tính 1 (")	1						

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TN1202	Đại số tuyến tính 1 (*)	1	1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513C01A (K13 CD Sư phạm Toán học (Toán - Lý)) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D08A (K13 DH Sư phạm Toán học (Toán - Lý)) 1614D01A (K14 DH Sư phạm Toán học) 1614D40A (K14 DH Sư phạm Vật lý)	8 1 3 2 5 3	28/7/2017	13g00	N433	TOÁN-TIN
				1210D11A (K10 DH Quản trị kinh doanh A - 2012 - 2016) 1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017) 1311D11A (K11 DH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017) 1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1513D11A (K13 DH Quản trị kinh doanh)	1 5 2 2 1 9 1 1	28/7/2017	13g00	N121	KT&QTKD
				1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GDGD) A - 2014 - 2018) 1210D10B (K10 DH Kế toán B - 2012 - 2016) 1109D16C (K9 DH Tài chính - Ngân hàng C (BC) - 2011 - 2015) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D18A (K12 DH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1412C03A (K12 CDSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017)	12 1 1 2 1 3 1 1 1 1 1	28/7/2017	15g00	N434	LLCT
				1513D11A (K13 DH Quản trị kinh doanh)	1				
12.	NH2222	Tài chính tiền tệ (*)	1	1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1513D11A (K13 DH Quản trị kinh doanh)	9 1 1	28/7/2017	13g00	N121	KT&QTKD
13.	LC2410	Đạo đức học (*)	1	1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GDGD) A - 2014 - 2018) 1210D10B (K10 DH Kế toán B - 2012 - 2016) 1109D16C (K9 DH Tài chính - Ngân hàng C (BC) - 2011 - 2015) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D18A (K12 DH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1412C03A (K12 CDSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017)	12 1 1 2 1 3 1 1 1 1 1	28/7/2017	15g00	N434	LLCT
14.	KT1204	Kinh tế công cộng (**)	1	1109D16C (K9 DH Tài chính - Ngân hàng C (BC) - 2011 - 2015) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D18A (K12 DH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1412C03A (K12 CDSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017)	1 2 1 3 1 1 1 1 1 1	28/7/2017	15g00	N123	KT&QTKD
15.	KT2310	Nguyên lý thống kê kinh tế (*)	1	1109D16C (K9 DH Tài chính - Ngân hàng C (BC) - 2011 - 2015) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D18A (K12 DH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1412C03A (K12 CDSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017)	1 2 1 3 1 1 1 1 1 1	28/7/2017	15g00	N123	KT&QTKD
16.	KT1221	Kinh tế học đại cương (*)	1	1109D16C (K9 DH Tài chính - Ngân hàng C (BC) - 2011 - 2015) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D18A (K12 DH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1412C03A (K12 CDSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017)	1 2 1 3 1 1 1 1 1 1	28/7/2017	15g00	N123	KT&QTKD

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	KT1221	Kinh tế học đại cương (*)	1	1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1513D080A (K13 DH Hường dẫn viên du lịch)	1 1	28/7/2017	15g00	N123	KT&QTKD
				1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	7				
				1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017)	4				
17.	KE2224	Phân tích hoạt động kinh doanh (*)	1	1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017) 1311D11A (K11 DH Quản trị kinh doanh A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	3 2 4	28/7/2017	15g00	N131	KT&QTKD
				1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016) 1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017) 1412D11A (K12 DH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A)	1 2 1 3				
				1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng)	1				
18.	KT2309	Kinh tế vĩ mô 1 (**)	1	1513D50A (K13 DH Kinh tế nông nghiệp) 1614D10A (K14 DH Kế toán A) 1614D10B (K14 DH Kế toán B) 1614D11A (K14 DH Quản trị kinh doanh) 1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng) 1614D51A (K14 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))	1 6 5 5 2 1	28/7/2017	15g00	HDH405	KT&QTKD
19.	NH2309	Nghị vụ Ngân hàng Trung ương	1	1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017) 1109D16C (K9 DH Tài chính - Ngân hàng C (BC) - 2011 - 2015)	1 1				
20.	NH2324	Thị trường chứng khoán (***)	1	1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1614D10B (K14 DH Kế toán B)	1 1 1 1 2				
21.									
	TI1201	Tin học cơ sở (**)	1			28/7/2017	15g00	HDH402	KỸ THUẬT-CN

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam (*)	1	1311D80A (K11 DH Hướng dẫn viên du lịch A - 2013 - 2017) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD)) 1513D81A (K13 DH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1 2 1 1 1	29/7/2017	07g00	N431	KHXH&NV
24.	VN2215	Rèn luyện kỹ năng văn hóa (**)	1	1311D17A (K11 DH Việt Nam học A - 2013 - 2017) 1311D18A (K11 DH Ngôn ngữ Trung Quốc A - 2013 - 2017) 1412D18A (K12 DH Ngôn ngữ Trung Quốc - 2014 - 2018) 1210D61A (K10 DHSP Mỹ thuật A - 2012 - 2016) 1412D83A (K12 DH Công tác xã hội) 1513D83A (K13 DH Công tác xã hội) 1614D83A (K14 DH Công tác xã hội) 1412D05A (K12 DH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018) 1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn)	2 1 1 1 3 13 2 3 1				
25.	LC1204	Logic học đại cương (**)	1	1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017) 1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017) 1412C04A (K12 CDSP Tiếng Anh - 2014 - 2017) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018) 1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017) 1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513C01A (K13 CD Sư phạm Toán học (Toán - lý)) 1513D08A (K13 DH Sư phạm Toán học (Toán - lý)) 1614D40T (K14 DH Sư phạm Vật lý (Liên thông))	4 1 4 8 9 3 10 1 9 2	29/7/2017	09g00	N441	NGOẠI NGỮ
26.	TA2215	Ngữ âm - âm vị học (*)	1		4	29/7/2017	09g00	N441	NGOẠI NGỮ
27.	TA2337	Ngữ pháp nâng cao (*)	1		3				
28.	VL2303	Nhiệt học và vật lý phân tử (*)	1		1	29/7/2017	09g00	N442	TOÁN-TIN
29.	VL2245	Bài tập vật lý phổ thông (*)	1		2				

21

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
30.	TN2321	Hình học xạ ảnh (*)	1	1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1614D01T (K14 DH Su phạm Toán học (Liên thông)) 1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016) 1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017) 1311D11A (K11 DH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018) 1412D51A (K12 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1513D11A (K13 DH Quản trị kinh doanh) 1513D01T (K13 DH Su phạm Toán học (Liên thông))	18 3 1 1 1 1 1 1 3 4 5 15 4 1	29/7/2017	09g00	N434	TOÁN-TIN
31.	TN2223	Quy hoạch tuyến tính (*)	1	1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng) 1614D10A (K14 DH Kế toán A) 1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng) 1614D10B (K14 DH Kế toán B) 1614D11A (K14 DH Quản trị kinh doanh)	1 4 1 2 1 1 6 2 14 6	29/7/2017	09g00	N444 N433	TOÁN-TIN
32.	KT2252	Kinh tế môi trường (*)	1			29/7/2017	13g00	N143 N144	KT&QTKD

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
33.	TG1202	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục (*)	1	1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1	29/7/2017	13g00	N431	TLGD
				1614D60T (K14 DH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	1				
				1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)	1				
				1412D23A (K12 DHSP Sinh học - 2014 - 2018)	1				
				1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018)	2				
				1513D23A (K13 DH Sư phạm Sinh học)	4				
				1513D24A (K13 DH Sư phạm Hóa học)	2				
				1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018)	3				
				1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018)	3				
				1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học)	6				
				1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý)	2				
				1311D70A (K11 DH Giáo dục thể chất A - 2013 - 2017)	1				
				1412D70A (K12 DH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	1				
34.	KT1302	Toán kinh tế (*)	2	1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1	29/7/2017	15g00	N121	KT&QTKD
				1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn)	3				
				1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD))	5				
				1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	3				
				1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017)	1				
				1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	2				
				1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1				
				1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017)	2				
				1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	2				
				1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1				
				1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	2				
				1513D10A (K13 DH Kế toán A)	11				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	KT1302	Toán kinh tế (*)	2	1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1513D11A (K13 DH Quản trị kinh doanh) 1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng)	2 2 1	29/7/2017	15g00	N121	KT&QTKD
				1311D41A (K11 DH Công nghệ KT Điện - Điện tử A - 2013 - 2017) 1614D41A (K14 DH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử) 1614D42A (K14 DH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí) 1412C01A (K12 CGSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1412D41A (K12 DH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018) 1513C01A (K13 CD Sư phạm Toán học (Toán - Lý)) 1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý) 1614D01A (K14 DH Sư phạm Toán học) 1614D40A (K14 DH Sư phạm Vật lý)	1 1 1 1 7 9 2 1 1 1 13 3	30/7/2017	07g00	N433 N434	TOÁN-TIN
35.	TN2215	Đại số tuyến tính 2 (*)	1	1311D13A (K11 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017) 1513D12A (K13 DH Khoa học cây trồng) 1513D13A (K13 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y)) 1614D12A (K14 DH Khoa học cây trồng) 1614D13A (K14 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y)) 1614D30A (K14 DH Thú y) 1412D23A (K12 DHSP Sinh học - 2014 - 2018) 1513D23A (K13 DH Sư phạm Sinh học)	1 2 6 4 5 7 1 1	30/7/2017	07g00	N432	TOÁN-TIN
36.	TN1261	Toán cao cấp B (*)	1						

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
37.	VL2225	Vật lý môi trường (*)	1	1614D40T (K14 DH Sư phạm Vật lý (Liên thông)) 1210C04A (K10 GDSP Tiếng Anh A - 2012 - 2015) 1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	6	30/7/2017	07g00	N431	TOÁN-TIN
38.	TA2221	Lý thuyết dịch (*)	1	1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017) 1412C04A (K12 GDSP Tiếng Anh - 2014 - 2017) 1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017) 1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	19	30/7/2017	07g00	N441	NGOẠI NGỮ
39.	TA2218	Văn học Anh - Mỹ (*)	1	1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017) 1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	4			N442	
40.	TA2372	Nghe 3B (*)	2	1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh) 1311D12A (K11 DH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017) 1513D30A (K13 DH Thú y) 1614D30A (K14 DH Thú y) 1412D83A (K12 DH Công tác xã hội) 1513D83A (K13 DH Công tác xã hội) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD)) 1614D06A (K14 DH Sư phạm Địa lý)	8	30/7/2017	07g00	N443	NGOẠI NGỮ
41.	NV1201	Tiếng Việt thực hành (**)	1	1311D12A (K11 DH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017) 1513D30A (K13 DH Thú y) 1614D30A (K14 DH Thú y) 1412D83A (K12 DH Công tác xã hội) 1513D83A (K13 DH Công tác xã hội) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD)) 1614D06A (K14 DH Sư phạm Địa lý)	2			N444	
42.	DL2227	Địa lí địa phương (*)	1	1311D06A (K11 DHSP Địa lý A - 2013 - 2017) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018)	13	30/7/2017	07g00	N4451	KHXH&NV
43.	DL2242	Địa lý tự nhiên các lục địa 2 (*)	1	1311D06A (K11 DHSP Địa lý A - 2013 - 2017) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018)	5	30/7/2017	07g00	N454	KHXH&NV
44.	LS2260	Lịch sử Việt Nam 2 (*)	1	1210D17A (K10 DH Việt Nam học A - 2012 - 2016)	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	LS2260	Lịch sử Việt Nam 2 (*)	1	1412D17A (K12 DH Việt Nam học - 2014 - 2018) 1513D17A (K13 DH Việt Nam học)	2 5			N454	KHXH&NV
				1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2				
				1513D18A (K13 DH Ngôn ngữ Trung Quốc)	2				
45.	NV1351	Tiếng Việt (*)	1	1614D06B (K14 DH Giáo dục Mầm non B) 1311D17A (K11 DH Việt Nam học A - 2013 - 2017)	1 2	30/7/2017	07g00	N453	KHXH&NV
				1311D80A (K11 DH Hướng dẫn viên du lịch A - 2013 - 2017)	1				
				1412D80A (K12 DH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)	3				
46.	LS1233	Đại cương lịch sử Việt Nam (*)	1	1513D80A (K13 DH Hướng dẫn viên du lịch)	4				
				1311C15A (K11 CB Công nghệ thông tin A - 2013 - 2016)	1				
				1412C15A (K12 CB Công nghệ thông tin - 2014 - 2017)	2				
47.	TI2321	Phân tích và thiết kế HTTT (*)	1	1412D15A (K12 DH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	2	30/7/2017	07g00	N221	KỸ THUẬT-CN
				1109D15B (K9 DH Công nghệ thông tin B (ĐC) - 2011 - 2015)	1				
				1210D15A (K10 DH Công nghệ thông tin A - 2012 - 2016)	1				
48.	TI2251	Hệ điều hành Unix (*)	1	1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016)	1	30/7/2017			
				1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	1				
				1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1			N143	
				1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	12				
				1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	2				
				1614D10A (K14 DH Kế toán A)	18				
				1614D10A (K14 DH Kế toán A)	18				
				1412D51A (K12 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	2				
				1513D10A (K13 DH Kế toán A)	5			N144	
				1513D10B (K13 DH Kế toán B)	5				
49.	KE2301	Nguyên lý kế toán (**)	1						

2

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	KE2301	Nguyên lý kế toán (*)	1	1614D10B (K14 DH Kế toán B)	19	30/7/2017	07g00	N231	KT&QTKD
				1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng)	3				
				1614D11A (K14 DH Quản trị kinh doanh)	9				
				1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng)	12				
				1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng)	12				
				1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017)	3			N232	
				1614D50A (K14 DH Kinh tế nông nghiệp)	1				
				1614D51A (K14 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))	1				
				1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017)	4				
				1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017)	1				
50.	KE2308	Kế toán tài chính 3 (*)	1	1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	1	30/7/2017	13g00	N143	KT&QTKD
				1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	2				
				1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017)	1				
				1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017)	1				
				1412D11A (K12 DH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1				
51.	KT1207	Kinh tế phát triển (**)	1	1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	3	30/7/2017	15g00	HDH405	KT&QTKD
				1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng)	8				
				1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GD&CD) A - 2014 - 2018)	11				
				1513D09A (K13 DH Sử phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))	8				
				1513D42A (K13 DH Công nghệ kỹ thuật cơ khí)	2				
52.	LS2454	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại (**)	1	1614D41A (K14 DH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	3	31/7/2017	07g00	N431	KH&H&NV
				1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018)	3				
				1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018)	7				
				1513D01A (K13 DH Sử phạm Toán học)	8				
				1513D01N (K13 DH Sử phạm Toán học (Ngành 2))	1				
53.	TN1304	Giải tích toán học 1 (**)	1	1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018)	3	31/7/2017	07g00	N433	TOÁN-TIN
				1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018)	7				
				1513D01A (K13 DH Sử phạm Toán học)	8				
				1513D01N (K13 DH Sử phạm Toán học (Ngành 2))	1				
				1513D01N (K13 DH Sử phạm Toán học (Ngành 2))	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TN1304	Giải tích toán học 1 ("")	1	1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý)	1	31/7/2017	07g00	N434	TOÁN-TIN
				1614D01A (K14 DH Sư phạm Toán học)	16				
				1614D40A (K14 DH Sư phạm Vật lý)	2				
54.	VL2375	Phân tích chương trình Vật lý phổ thông ("")	1	1614D40T (K14 DH Sư phạm Vật lý (Liên thông))	6	31/7/2017	07g00	N432	TOÁN-TIN
55.	TN2230	Phương pháp tính ("")	1	1412D41A (K12 DH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018)	4				
				1614D15A (K14 DH Công nghệ thông tin)	1				
				1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018)	6				
				1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018)	2				
				1513D01T (K13 DH Sư phạm Toán học (Liên thông))	1				
56.	TN2381	Tô pô đại cương ("")	1	1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018)	4	31/7/2017	07g00	N444	TOÁN-TIN
				1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học)	21				
				1614D01T (K14 DH Sư phạm Toán học (Liên thông))	1				
				1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	3				
				1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	1				
57.	NH2203	Tài chính doanh nghiệp ("")	1	1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	1	31/7/2017	07g00	N132	KT&QTKD
				1513D10A (K13 DH Kế toán A)	6				
				1513D10B (K13 DH Kế toán B)	12				
				1109D16B (K9 DH Tài chính - Ngân hàng B - 2011 - 2015)	1				
				1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016)	1				
58.	NH2306	Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương ("")	1	1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	3	31/7/2017	07g00	N132	KT&QTKD
				1109D16B (K9 DH Tài chính - Ngân hàng B - 2011 - 2015)	1				
				1513D16T (K13 DH Tài chính - Ngân hàng (Liên thông))	1				
59.	NH2310	Nghịệp vụ kinh doanh ngoại hối ("")	1	1513D16T (K13 DH Tài chính - Ngân hàng (Liên thông))	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
60.	NH2214	Phân tích báo cáo tài chính (*)	1	1109D16C (K9 DH Tài chính - Ngân hàng C (ĐC) - 2011 - 2015) 1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	1 4 5	30/7/2017	07g00	N133	KT&QTKD
61.	NN2313	Trẻng Anh chuyên ngành (**)	1	1109D16B (K9 DH Tài chính - Ngân hàng B - 2011 - 2015) 1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016) 1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017) 1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1 1 2 3	31/7/2017	07g00	N134	NGOẠI NGỮ
62.	TQ1202	Trẻng Trung (Z) (***)+(**)	1	1210D04A (K10 DH Ngôn ngữ Anh A - 2012 - 2016) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Trẻng Anh - 2014 - 2018) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh) 1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh)	1 1 8 17 26	31/7/2017	07g00	HDH407 N441 HDH408 N442	NGOẠI NGỮ
63.	HH2325	Hoa học phân tích 1 (*)	1	1412D24A (K12 DHSP Hoa học - 2014 - 2018) 1513D24A (K13 DH Sư phạm Hoa học)	3 7	31/7/2017	09g00	N453	KHTN
64.	SH2431	Sinh học phát triển (**)	1	1311D23A (K11 DHSP Sinh học A - 2013 - 2017) 1210D12A (K10 DH Khoa học cây trồng A - 2012 - 2016)	1	31/7/2017	09g00	N454	KHTN
65.	TT2337	Phân bón (***)	1	1412D12A (K12 DH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018) 1412D13A (K12 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) - 2014 - 2018) 1412D30A (K12 DH Thú y - 2014 - 2019) 1513D12A (K13 DH Khoa học cây trồng) 1513D30A (K13 DH Thú y)	4 1 6 2 8	31/7/2017	09g00	HDH405	KHTN
66.	SH1301	Sinh học đại cương (**)	1	1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017) 1412C04A (K12 GDSP Trẻng Anh - 2014 - 2017) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1513D28A (K13 DH Sư phạm Trẻng Anh)	1 1 2 1	31/7/2017	09g00	N451	NGOẠI NGỮ
67.	TA2208	Viết 2 (*)	1		1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TA2208	Viết 2 (*)	1	1614D28A (K14 DH Sư phạm Tiếng Anh)	1				
				1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	9	31/7/2017	09g00	N451	NGOẠI NGỮ
68.	NN2310	Tiếng Anh chuyên ngành (*)	1	1412D11A (K12 DH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	2				
				1109D15B (K9 DH Công nghệ thông tin B (BC) - 2011 - 2015)	1				
				1210D15A (K10 DH Công nghệ thông tin A - 2012 - 2016)	2	31/7/2017	09g00	N141	KỸ THUẬT-CN
69.	TI2330	Kỹ thuật truyền tin (*)	1	1109D11A (K9 DH Quản trị kinh doanh A - 2011 - 2015)	1				
				1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	3				
				1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017)	3				
				1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017)	6				
				1311D11A (K11 DH Quản trị kinh doanh A - 2013 - 2017)	1				
				1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1	31/7/2017	13g00	N142	KT&QTKD
				1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017)	1				
				1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	4				
				1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	3				
				1513D10A (K13 DH Kế toán A)	2				
				1513D11A (K13 DH Quản trị kinh doanh)	6				
				1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1				
				1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	1				
				1412C04A (K12 CBSP Tiếng Anh - 2014 - 2017)	1				
				1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	6	31/7/2017	13g00	N431	KHXH&NV
				1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh)	8				
				1614D04A (K14 DH Ngôn ngữ Anh)	2				
				1412D83A (K12 DH Công tác xã hội)	2				
				1513D83A (K13 DH Công tác xã hội)	1				
71.	LS1203	Lịch sử văn minh thế giới 1 (*)	1						

21

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	LS1203	Lịch sử văn minh thế giới 1 (*)	1	1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	4	31/7/2017	13g00	N431	KH&H&NV
				1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)	1				
				1311D80A (K11 DH Hướng dẫn viên du lịch A - 2013 - 2017)	1				
				1412D81A (K12 DH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành - 2014 - 2018)	1				
				1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn)	4				
				1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))	10			N432	
				1513D17A (K13 DH Việt Nam học)	1				
				1513D80A (K13 DH Hướng dẫn viên du lịch)	2				
				1614D02A (K14 DH Sư phạm Ngữ văn)	4				
				1614D81A (K14 DH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	1				
	KT2308	Kinh tế vi mô 1 (**)	3	1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1	31/7/2017	15g00		KT&QTKD
				1412D11A (K12 DH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1				
				1513D10A (K13 DH Kế toán A)	2			HDH404	
				1614D50A (K14 DH Kinh tế nông nghiệp)	2				
				1614D10A (K14 DH Kế toán A)	23				
				1614D10B (K14 DH Kế toán B)	3				
				1614D11A (K14 DH Quản trị kinh doanh)	6				
				1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng)	9			HDH405	
				1614D51A (K14 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))	1				
				1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	5				
73.	KE2216	Kế toán thuế (***)	1	1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017)	3	31/7/2017	15g00		KT&QTKD
74.	TA2303	Độc 1 (***)	1	1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1	01/8/2017	09g00		NGOẠI NGỮ
				1513D04A (K13 DH Ngôn ngữ Anh)	14			HDH402	
				1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	12				
				1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	5			HDH404	
				1513C04A (K13 CD Sư phạm Tiếng Anh)	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TA2303	Đọc 1 ("")	1	1614D04A (K14 DH Ngôn ngữ Anh) 1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh) 1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh)	6 14 26	01/8/2017	09g00	HDH405 HDH407	NGOẠI NGỮ
				1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017) 1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D83A (K12 DH Công tác xã hội)	2 3 17 17 1			N431 N432	
				1513D83N (K13 DH Công tác xã hội (Ngành 2)) 1614D83A (K14 DH Công tác xã hội) 1311D17A (K11 DH Việt Nam học A - 2013 - 2017) 1412C03A (K12 GDSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017) 1412D17A (K12 DH Việt Nam học - 2014 - 2018) 1412D81A (K12 DH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành - 2014 - 2018) 1513D83A (K13 DH Công tác xã hội) 1513D17A (K13 DH Việt Nam học) 1513D81A (K13 DH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1 6 1 1 1 1 2 5	01/8/2017	09g00	N433	LLCT
75.	LC1206	Thông kê xã hội (*)	1	1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016) 1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018) 1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018) 1614D10A (K14 DH Kế toán A) 1614D10B (K14 DH Kế toán B) 1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng)	1 1 2 3 1 7 4 4	01/8/2017	09g00	HDH408	TOÁN-TIN
76.	TN1364	Toán cao cấp C ("")	1						

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TN1364	Toán cao cấp C (*)	1	1614D11A (K14 DH Quản trị kinh doanh) 1614D50A (K14 DH Kinh tế nông nghiệp) 1614D51A (K14 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)) 1614D06A (K14 DH Sư phạm Địa lý)	13 2 2 8	01/8/2017	09g00	HĐH811	TOÁN-TIN
				1311D41A (K11 DH Công nghệ KT Điện - Điện tử A - 2013 - 2017) 1311D15A (K11 DH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017) 1412D15A (K12 DH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018) 1614D15A (K14 DH Công nghệ thông tin)	1 2 3 2	01/8/2017	09g00	N434	TOÁN-TIN
77.	VL1251	Vật lý đại cương A1 (*)	1	1311D12A (K11 DH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017) 1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1614D01A (K14 DH Sư phạm Toán học) 1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý) 1412D41A (K12 DH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018) 1614D40A (K14 DH Sư phạm Vật lý)	1 13 6 7 11 19 1 2	01/8/2017	09g00	N441 N442	TOÁN-TIN
78.	TN2386	Giải tích toán học 2 (*)	1	1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016) 1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017) 1311D11A (K11 DH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017) 1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	2 6 1 1 4 2 5	01/8/2017	13g00	N132	KT&QTKD
79.									

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	QT1221	Văn hóa kinh doanh (*)	1	1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng) 1513D28N (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2)) 1614D28N (K14 DH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2)) 1614D03T (K14 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông)) 1513C01A (K13 CD Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	6 12 2 8 11 2 1 1	01/8/2017	13g00	N133	KT&QTKD
80.	TG2238	Kỹ năng làm việc hiệu quả (*)	2	1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018) 1513C04A (K13 CD Sư phạm Tiếng Anh) 1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh) 1311D24A (K11 DHSP Hoá học A - 2013 - 2017) 1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018) 1513D23A (K13 DH Sư phạm Sinh học) 1513D24A (K13 DH Sư phạm Hóa học) 1311D01A (K11 DHSP Toán học A - 2013 - 2017) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D08A (K13 DH Sư phạm Toán học (Toán - Lý)) 1311D70A (K11 DH Giáo dục Thể chất A - 2013 - 2017) 1311D06A (K11 DHSP Địa lý A - 2013 - 2017) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GDGD) A - 2014 - 2018)	8 1 1 1 1 2 6 1 1 2 6 3 3 1 1 1 2 1	01/8/2017	13g00	N432	TLGD
81.	DL2345	Các nước châu Phi-Mỹ-Đại dương (*)	1	1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018) 1513C04A (K13 CD Sư phạm Tiếng Anh) 1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh) 1311D24A (K11 DHSP Hoá học A - 2013 - 2017) 1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018) 1513D23A (K13 DH Sư phạm Sinh học) 1513D24A (K13 DH Sư phạm Hóa học) 1311D01A (K11 DHSP Toán học A - 2013 - 2017) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D08A (K13 DH Sư phạm Toán học (Toán - Lý)) 1311D70A (K11 DH Giáo dục Thể chất A - 2013 - 2017) 1311D06A (K11 DHSP Địa lý A - 2013 - 2017) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GDGD) A - 2014 - 2018)	1 1 1 1 1 2 6 1 1 2 6 3 3 1 1 1 2 1	01/8/2017	13g00	N433	TLGD
82.								N434	
	TG1201	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (*)	1						

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TG1201	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (*)	1	1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sư - GDGD))	1 7	01/8/2017	13g00	N434	TLGD
83.	KE2302	Kế toán tài chính 1 (*)	1	1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B)	3 6 5 11	01/8/2017	13g00	N134	KT&QTKD
84.	LS2213	Lịch sử sử học và sử liệu học (*)	1	1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sư - GDGD) A - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018) 1513D28N (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2)) 1412C08A (K12 GD Giáo dục Mầm non - 2014 - 2017) 1412D23A (K12 DHSP Sinh học - 2014 - 2018) 1412C01A (K12 CBSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017) 1311D70A (K11 DH Giáo dục Thể chất A - 2013 - 2017) 1311D06A (K11 DHSP Địa lý A - 2013 - 2017) 1412C03A (K12 CBSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018)	22 3 2 2 1 3 1 3 1 4	01/8/2017	15g00	N441	KHXH&NV
85.	TG1203	Quản lý HCNN và QL ngành GD&ĐT (*)	1	1311D30A (K11 DH Thú y A - 2013 - 2017) 1412D30A (K12 DH Thú y - 2014 - 2019) 1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn) 1210D15A (K10 DH Công nghệ thông tin A - 2012 - 2016) 1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	3 9 12 2 5 2 2 2 1	01/8/2017	15g00	N141	NLN
86.	CN2258	Chăn nuôi gia cầm (*)	1	1412D30A (K12 DH Thú y - 2014 - 2019)	9	01/8/2017	15g00	N141	NLN
87.	NV2258	Ngữ âm học Tiếng Việt (*)	1	1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn) 1210D15A (K10 DH Công nghệ thông tin A - 2012 - 2016) 1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017) 1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	12 2 5 2 2 2 2 1	02/8/2017	09g00	N132	TOÁN-TIN
88.	TN1262	Xác suất thống kê 1 (*)	1	1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	2 1	02/8/2017	09g00	N132	TOÁN-TIN

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi	
	TN1262	Xác suất thống kê 1 (*)	1	1412D51A (K12 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	1	02/8/2017	09g00	N132	TOÁN-TIN	
				1513D10A (K13 DH Kế toán A)	3					
				1513D10B (K13 DH Kế toán B)	8					
				1513D11A (K13 DH Quản trị kinh doanh)	2			N133		
				1513D16A (K13 DH Tài chính - Ngân hàng)	4					
				1614D10A (K14 DH Kế toán A)	3					
				1614D10B (K14 DH Kế toán B)	3			N134		
				1614D11A (K14 DH Quản trị kinh doanh)	2					
				1513D12A (K13 DH Khoa học cây trồng)	1					
				1513D30A (K13 DH Thú y)	2					
				1614D12A (K14 DH Khoa học cây trồng)	1					
				1614D30A (K14 DH Thú y)	9					
				1412D83A (K12 DH Công tác xã hội)	2					
				1513D83A (K13 DH Công tác xã hội)	2					
				1614D83A (K14 DH Công tác xã hội)	7					
				1614D13A (K14 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	4			N141		
				1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018)	2					
				1614D23T (K14 DH Sư phạm Sinh học (Liên thông))	1					
1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018)	3									
1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý)	1									
1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1									
1614D06A (K14 DH Sư phạm Địa lý)	3									
1311D04A (K11 DH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)	5									
1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	2									
1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	6									
1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2									
89.	TA2219	Văn hoá Anh (**)	1			02/8/2017	09g00	N443	NGOẠI NGỮ	

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
90.	TA2220	Văn hoá Mỹ (")	1	1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2 1 6	02/8/2017	09g00	N443	NGOẠI NGỮ
91.	TG1206	Giáo dục học đại cương (")	1	1513C04A (K13 CB Sư phạm Tiếng Anh) 1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh) 1412D60A (K12 DHSP Âm nhạc - 2014 - 2018) 1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018) 1412D05A (K12 DH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018) 1412D23A (K12 DHSP Sinh học - 2014 - 2018) 1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018) 1513D23A (K13 DH Sư phạm Sinh học) 1513D24A (K13 DH Sư phạm Hóa học) 1412C01A (K12 CBSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D08A (K13 DH Sư phạm Toán học (Toán - Lý)) 1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD)) 1311D15A (K11 DH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017) 1412D15A (K12 DH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018) 1311D13A (K11 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017) 1311D30A (K11 DH Thú y A - 2013 - 2017)	6 12 1 2 1 1 3 1 1 1 5 3 2 3 1 13 4 6 1 4	02/8/2017	13g00	N444	TLGD
92.	TG1206	Giáo dục học đại cương (")	1	1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D08A (K13 DH Sư phạm Toán học (Toán - Lý)) 1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD)) 1311D15A (K11 DH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017) 1412D15A (K12 DH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018) 1311D13A (K11 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017) 1311D30A (K11 DH Thú y A - 2013 - 2017)	5 3 2 3 1 4 13 4 6 1 4	02/8/2017	13g00	N443	TLGD
93.	TI2318	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 2 (")	1	1311D15A (K11 DH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017) 1412D15A (K12 DH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018) 1311D13A (K11 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017) 1311D30A (K11 DH Thú y A - 2013 - 2017)	4 6 1 4	02/8/2017	15g00	N451	KỸ THUẬT-CN
94.	TT2224	Hệ thống nông nghiệp (")	1	1311D15A (K11 DH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017) 1412D15A (K12 DH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018) 1311D13A (K11 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017) 1311D30A (K11 DH Thú y A - 2013 - 2017)	4 6 1 4	02/8/2017	13g00	N123	NLN

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1412D30A (K12 DH Thù y - 2014 - 2019)	5				
				1614D30A (K14 DH Thù y)	1				
	TT1240	Sinh thái học nông nghiệp (**)	1	1210D12A (K10 DH Khoa học cây trồng A - 2012 - 2016)	1	02/8/2017	15g00	N123	NLN
				1210D16A (K10 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016)	1				
	KT2312	Kinh tế lượng (*)	2	1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017)	5				KT&QTKD
				1311D10B (K11 DH Kế toán B - 2013 - 2017)	1				
				1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017)	1				
				1311D11A (K11 DH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017)	5				
				1311D16A (K11 DH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	2				
				1311D50A (K11 DH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1	02/8/2017	15g00		
				1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018)	30			N131	
				1412D11A (K12 DH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	3				KT&QTKD
	KT2312	Kinh tế lượng (*)	2	1412D16A (K12 DH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	5				
				1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	10			N132	
				1412D51A (K12 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	1				
				1614D10A (K14 DH Kế toán A)	2				
				1210D04A (K10 DH Ngôn ngữ Anh A - 2012 - 2016)	1				
				1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	2				
				1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017)	1				
				1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	7				
				1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	4				
				1513D18A (K13 DH Ngôn ngữ Trung Quốc)	4	03/8/2017	09g00		
				1513D28A (K13 DH Sự phạm Tiếng Anh)	1				
				1614D04A (K14 DH Ngôn ngữ Anh)	30				
				1614D18A (K14 DH Ngôn ngữ Trùng Quốc)	11				
				1513D02A (K13 DH Sự phạm Ngữ văn)	17				
96.	NV1252	Dẫn luận ngôn ngữ (***)	1						

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
97.	TA2207	Độc 2 ("")	1	1311D04B (K11 DH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017) 1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017) 1412D04A (K12 DH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018) 1614D28A (K14 DH Sư phạm Tiếng Anh)	2 1 2 7 5	03/8/2017	13g00	HDH407	NGOẠI NGỮ
98.	TN2282	Độ đo và tích phân ("")	1	1311D01A (K11 DHSP Toán học A - 2013 - 2017) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1614D01T (K14 DH Sư phạm Toán học (Liên thông)) 1412D01A (K12 DHSP Toán học - 2014 - 2018) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D08A (K13 DH Sư phạm Toán học (Toán - lý)) 1614D01A (K14 DH Sư phạm Toán học)	1 18 5 3 14 7 8	03/8/2017	13g00	N431	TOÁN-TIN
99.	TN1270	Hình học giải tích ("")	1	1311D28A (K11 DHSP Tiếng Anh A - 2013 - 2017) 1412C04A (K12 CBSP Tiếng Anh - 2014 - 2017) 1412D28A (K12 DHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018) 1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh) 1311D60A (K11 DHSP Âm nhạc A - 2013 - 2017) 1412D60A (K12 DHSP Âm nhạc - 2014 - 2018) 1412D83A (K12 DH Công tác xã hội) 1412D23A (K12 DHSP Sinh học - 2014 - 2018) 1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018) 1412C01A (K12 CBSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017) 1412D40A (K12 DHSP Vật lý - 2014 - 2018) 1513D01A (K13 DH Sư phạm Toán học) 1513D40A (K13 DH Sư phạm Vật lý)	1 1 1 5 1 1 2 2 3 1 5 6 2	03/8/2017	13g00	N433	TLGD
100.	TG1205	Tâm lý học đại cương ("")	1					N434	

A

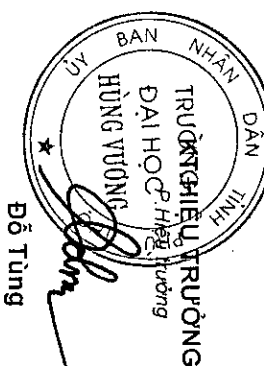
STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TG1205	Tâm lý học đại cương (**)	1	1614D01A (K14 DH Sư phạm Toán học) 1614D40A (K14 DH Sư phạm Vật lý) 1311D70A (K11 DH Giáo dục Thể chất A - 2013 - 2017) 1412D70A (K12 DH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018) 1311D06A (K11 DHSP Địa lý A - 2013 - 2017) 1412D06A (K12 DHSP Địa lý - 2014 - 2018) 1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GDGD) A - 2014 - 2018) 1513D02A (K13 DH Sư phạm Ngữ văn) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD)) 1311D10A (K11 DH Kế toán A - 2013 - 2017) 1311D10C (K11 DH Kế toán C - 2013 - 2017) 1311D51A (K11 DH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017) 1412D10A (K12 DH Kế toán - 2014 - 2018) 1412D50A (K12 DH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018) 1513D10A (K13 DH Kế toán A) 1513D10B (K13 DH Kế toán B) 1614D10A (K14 DH Kế toán A) 1614D11A (K14 DH Quản trị kinh doanh) 1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng) 1614D51A (K14 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)) 1412D83A (K12 DH Công tác xã hội) 1513D83A (K13 DH Công tác xã hội) 1614D83A (K14 DH Công tác xã hội) 1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GDGD) A - 2014 - 2018) 1412D17A (K12 DH Việt Nam học - 2014 - 2018) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD)) 1513D17A (K13 DH Việt Nam học) 1614D09A (K14 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD))	1 1 2 2 1 7 1 3 1 1 1 5 1 1 3 6 2 1 3 7 2 4 2 9 2	03/8/2017	13g00	N434	TLGD
101.	LC1205	Xã hội học đại cương (*)	1	1614D16A (K14 DH Tài chính - Ngân hàng) 1614D51A (K14 DH Kinh tế (Kinh tế đầu tư)) 1412D83A (K12 DH Công tác xã hội) 1513D83A (K13 DH Công tác xã hội) 1614D83A (K14 DH Công tác xã hội) 1412D09A (K12 DHSP Lịch sử (Sử - GDGD) A - 2014 - 2018) 1412D17A (K12 DH Việt Nam học - 2014 - 2018) 1513D09A (K13 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD)) 1513D17A (K13 DH Việt Nam học) 1614D09A (K14 DH Sư phạm Lịch sử (Sử - GDGD))	1 3 1 7 2 4 2 9 2	03/8/2017	15g00	N441 N442 N443	LLCT T

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
102.	SH1260	Sinh học phân tử (*)	1	1311D13A (K11 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y A - 2013 - 2017)) 1311D30A (K11 DH Thú y A - 2013 - 2017) 1412D13A (K12 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y A - 2014 - 2018)) 1412D30A (K12 DH Thú y - 2014 - 2019) 1513D13A (K13 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y)) 1513D30A (K13 DH Thú y) 1614D12A (K14 DH Khoa học cây trồng) 1614D13A (K14 DH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y)) 1614D30A (K14 DH Thú y) 1614D23T (K14 DH Sư phạm Sinh học (Liên thôn))	2 1 1 2 1 14 1 7 17 1	03/8/2017	15g00	N44 N451	KHTN

Chú thích: (*) - Học phần thi tự luận

(**) - Học phần thi vấn đáp, thực hành

(***) - Học phần thi trắc nghiệm.



Đỗ Tùng

TRUNG TÂM ĐBCL
P. Giám đốc

Nguyễn Văn Nghĩa

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phụ Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Nguyễn Thành Trung

